

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu,  
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu từ năm 2022 đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 61/TTr-SXD ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc dự thảo Quyết định ban hành giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu từ năm 2022 đến năm 2025,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu từ năm 2022 đến năm 2025.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải vào hệ thống thoát nước, bao gồm: Hộ gia đình; cơ sở sản xuất; cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi chung là hộ thoát nước) trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (không bao gồm xã Long Sơn).

2. Hộ thoát nước đã nộp tiền dịch vụ thoát nước theo Quyết định này thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

### **Điều 3. Quy định hộ thoát nước**

1. Hộ gia đình là hộ thoát nước theo đơn vị gia đình, bao gồm:
  - a) Nhà ở riêng lẻ;
  - b) Nhà ở chung cư.
2. Cơ sở sản xuất, bao gồm:
  - a) Đơn vị, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công;
  - b) Nhà máy, xí nghiệp;
  - c) Công trường xây dựng.
3. Cơ sở kinh doanh dịch vụ, bao gồm:
  - a) Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng kinh doanh ăn uống, giải khát;
  - b) Cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi;
  - c) Chợ, siêu thị, cửa hàng thương mại;
  - d) Văn phòng đại diện;
  - đ) Bệnh viện tư nhân, trường học tư thục;
  - e) Hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.
4. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, bao gồm:
  - a) Bệnh viện, trường học công lập;
  - b) Các đơn vị lực lượng vũ trang;
  - c) Các cơ quan, đoàn thể;
  - d) Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

### **Điều 4. Giá dịch vụ thoát nước**

1. Giá dịch vụ thoát nước

STT	Đối tượng sử dụng dịch vụ thoát nước khu vực có hệ thống thoát nước (gọi là hộ thoát nước)	Mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ, Đồng/m <sup>3</sup> (không bao gồm thuế VAT)			
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Hộ gia đình	1.690	2.197	2.856	3.856
2	Cơ sở sản xuất	3.380	4.394	5.712	7.712
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ	4.225	5.493	7.140	9.640
4	Cơ quan hành chính, Đơn vị sự nghiệp	1.690	2.197	2.856	3.856

Khu vực không có tuyến công đi qua thu theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

## 2. Các trường hợp miễn phí

- a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở khu vực chưa có hệ thống cấp nước sạch;
- b) Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở khu vực đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng.

## **Điều 5. Xác định khối lượng nước thải**

### 1. Đối với Hộ gia đình; Cơ quan hành chính, Đơn vị sự nghiệp:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người, áp dụng mức khoán là  $5\text{m}^3/\text{người}/\text{tháng}$  theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### 2. Đối với các loại nước thải khác:

Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, cụ thể như sau:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước được quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

## **Điều 6. Thu tiền dịch vụ thoát nước**

1. Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước là Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (Đơn vị cấp nước).

2. Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (trừ trường hợp được miễn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này): Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước là Trung tâm Quản lý các khu xử lý chất thải thuộc Sở Xây dựng.

3. Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước có trách nhiệm thu tiền dịch vụ thoát nước theo giá quy định tại Điều 4, xác định khối lượng nước thải theo quy định tại Điều 5 Quyết định này, nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định.

4. Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước thải được để lại 10% trên tổng số thu thực tế để chi trả chi phí dịch vụ đi thu; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), phần còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước để sử dụng cho các mục đích đầu tư, duy trì, phát triển hệ thống thoát nước và các chi phí hợp lệ khác theo quy định hiện hành.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và được áp dụng kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2022.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu, Giám đốc Trung tâm Quản lý các khu xử lý chất thải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Khoản 3 Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- TT Công báo – Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu
- Lưu: VT, TH, SXD (6).

(8)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH *mmh*  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Công Vinh*